

# lotcuoiki - IOT

Mạng kết nối vạn vật (Đại học Kinh tế Quốc dân)

<u>Dashboard</u> / <u>Courses</u> / <u>Viện CNTT &amp; Kinh tế số</u> / <u>Bộ môn Công nghệ thông tin</u> / <u>HK2-21-22-CNTT</u>
/ <u>Mạng kết nối vạn vật(221) 01@ Cô Nguyễn Thanh Hương</u> / <u>THI HÊT HỌC PHẦN - NGÀY 26-05-2022</u>
/ <u>Thi hết học phần - Ngày 26052022</u>
/ <u>ITIT HET NOC PHAIT - NGAY 20032022</u>
Started on Thursday 26 May 2022 705 AM
Started on Thursday, 26 May 2022, 7:05 AM State Finished
Completed on Thursday, 26 May 2022, 7:55 AM
Time taken 50 mins 1 sec
Marks 43.00/50.00
<b>Grade 8.60</b> out of 10.00 ( <b>86</b> %)
Question 1
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu không phải là một tính năng của CoAP?
Dad không phái là một tihir hàng của COAF:
🔾 a. Bảo mật
○ b. Tương tác với HTTP
© c. Tìm đường đi tối ưu
d. Vận chuyển tài nguyên theo khối
d. Van chayen an ngayen theo khor
Question 2
Complete
Mark 0.00 out of 1.00
Đâu không phải là tiêu chí để so sánh các nền tảng IoT?
Dad knong phania tied thi de so saint cat hen tang for:
a. Số lượng thiết bị mạng
○ b. Khả năng tích hợp với phần mềm của bên thứ 3
🔘 c. Khả năng mở rộng
○ d. An ninh dữ liệu
Question 3
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Walk 1.00 dat of 1.00
Trong số các giao thức sau đây, giao thức nào không thuộc nhóm giao thức ứng dụng?
a. mDNS
O b. DDS
○ c. MQTT
O d. AMQP
ou ring

Question 4	
Complete	
Mark 1.00 out of 1.00	

Trong lập trình IoT, đâu là phát biểu sai về Arduino IDE?

- a. Arduino IDE là chữ viết tắt của Arduino Integrated Development Environment
- 🔘 b. Hiểu một cách đơn giản, Arduino IDE là 1 phần mềm giúp chúng ta nạp code đã viết vào board mạch và thực thi ứng dụng
- o. Trong Arduino IDE không có công cụ Debugger (công cụ giúp tìm kiếm và sửa lỗi)
- 🔘 d. Ngoài các board thuộc họ Arduino, thì Arduino IDE còn hỗ trợ lập trình với nhiều dòng vi điều khiển khác như: ESP, ARM, PIC

#### Question 5

Complete

Mark 1.00 out of 1.00

Trong điều khiển loT với Board Arduino Uno R3, lập trình Arduino: nếu trạng thái nút bấm (buttonState) là mức thế cao thì điều khiển bật đèn led (ledPin). Hỏi đoạn lệnh nào sau đây là đúng nhất?

```
A. if (buttonState == HIGH) {
         Write(HIGH,ledPin);
       } else {
         Write(LOW,ledPin);
B. if (buttonState == HIGH) {
         Write.high(ledPin);
       } else {
         Write.low(ledPin);
C. if (buttonState == HIGH) {
         digitalWrite(ledPin, HIGH);
       } else {
         digitalWrite(ledPin, LOW);
D. if (buttonState == HIGH) {
         Write.out(ledPin, HIGH);
        } else {
         Write.out(ledPin, LOW);
```

Your answer is correct.

Question 6
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là đúng?
no. to glad that 2 that a tong to 1, phat side had day to dailig.
a. Z-Wave cho phép mạng tối đa có 30 thiết bị (nút)
<ul> <li>b. Z-Wave cho phép kết nối điểm-điểm trong phạm vi khoảng 30 mét</li> </ul>
c. Z-Wave cho phép kết nối điểm - đa điểm trong phạm vi lên tới 500 mét
○ d. Z-Wave cho phép mạng tối đa có 50 thiết bị (nút)
Question <b>7</b>
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong mô hình tham chiếu loT 7 lớp, lớp "Điện toán biên" ở lớp nào?
a. Lớp 5
○ b. Lớp 2
⊚ c. Lớp 3
○ d. Lớp 4
Question 8
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là đúng khi nói về giao thức IEEE 802.15.4?
a. IEEE 802.15.4 có cung cấp các dịch vụ bảo mật, mã hóa và xác thực
ob. IEEE 802.15.4 có tốc độ truyền dữ liệu đạt tới 500Mbps ở băng tần 868MHz
c. IEEE 802.15.4 cho phép mạng tối đa có 50 thiết bị (nút)
od. IEEE 802.15.4 cho phép mạng tối đa có 30 thiết bị (nút)
○ d. IEEE 802.15.4 cho phép mạng tối đa có 30 thiết bị (nút)
d. IEEE 802.15.4 cho phép mạng tối đa có 30 thiết bị (nút)  Question 9
Question 9
Question 9 Complete
Question 9 Complete
Question 9 Complete Mark 1.00 out of 1.00
Question 9 Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong lập trình Arduino, câu lệnh nào cho phép chương trình dừng trong thời gian 1 giây?
Question 9 Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong lập trình Arduino, câu lệnh nào cho phép chương trình dừng trong thời gian 1 giây?  a. delay(1000)

Question 10
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu không phải là một ứng dụng IoT?
a. Nhà thông minh
<ul><li>b. Hệ thống thông tin quản lý</li></ul>
C. Hệ thống giao thông thông minh
od. Tự động hóa công nghiệp
Question 11
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Địa chỉ IPv6 có chiều dài bao nhiêu bit?
a. 64 bit
○ b. 32 bit
○ c. 48 bit
Question 12
Complete
Complete Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00  Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?
Mark 1.00 out of 1.00  Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo
Mark 1.00 out of 1.00  Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo
<ul> <li>Mark 1.00 out of 1.00</li> <li>Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?</li> <li>a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo</li> <li>b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> <li>c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> </ul>
Mark 1.00 out of 1.00  Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo
<ul> <li>Mark 1.00 out of 1.00</li> <li>Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?</li> <li>a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo</li> <li>b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> <li>c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> </ul>
<ul> <li>Mark 1.00 out of 1.00</li> <li>Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?</li> <li>a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo</li> <li>b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> <li>c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> </ul>
<ul> <li>Mark 1.00 out of 1.00</li> <li>Đâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?</li> <li>a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo</li> <li>b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> <li>c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo</li> <li>d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo</li> </ul>
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo  Question 13  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong giao thức MQTT (Message Queue Telemetry Transport) không bao gồm thành phần nào?
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo  Question 13  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong giao thức MQTT (Message Queue Telemetry Transport) không bao gồm thành phần nào?  a. Publishers
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo  Question 13  Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong giao thức MQTT (Message Queue Telemetry Transport) không bao gồm thành phần nào?  a. Publishers b. Administrator
Dâu không phải là một tính năng mà một cảm biến tốt cần có?  a. Không sửa đổi hiện tượng đo trong quá trình đo  b. Có độ phân giải cao với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  c. Không nhạy với các hiện tượng vật lý khác với hiện tượng mà nó đo  d. Có độ nhạy cao với hiện tượng mà nó đo  Question 13  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong giao thức MQTT (Message Queue Telemetry Transport) không bao gồm thành phần nào?  a. Publishers

Question 14
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ phân giải" của cảm biến IoT?
a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra
<ul> <li>b. Sự thay đổi tối thiểu trong hiện tượng mà cảm biến có thể phát hiện</li> </ul>
🔾 c. Ngưỡng giá trị cảm biến có thể phát hiện được sự xuất hiện của đối tượng cần quan sát
🔘 d. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được
Question 15
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Khi nói về các giao thức trong loT có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức BLE (Bluetooth Low Energy) hỗ trợ tốc độ dữ liệu cao hơn giao thức EPCglobal; PB2- Giao thức BLE hoạt động trong dải tần số 100MHz. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?
a. PB1 sai, PB2 đúng
○ b. PB1 đúng, PB2 đúng
o c. PB1 đúng, PB2 sai
od. PB1 sai, PB2 sai
Quarties 16
Question 16
Question 16 Complete Mark 1.00 out of 1.00
Complete
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Đâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xép cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Đầu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Đầu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete  Mark 0.00 out of 1.00
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sấp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sấp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete  Mark 0.00 out of 1.00  Trong số các giao thức sau đây, giao thức nào không thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tầng?
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xép cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bất buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete  Mark 0.00 out of 1.00  Trong số các giao thức sau đây, giao thức nào không thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tầng?  a. IEEE 802.15.4
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?  a. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo biểu đồ định hướng đích (Destination-Oriented Graph)  b. RPL sắp xếp cấu trúc liên kết mạng theo topo dạng vòng (RING)  c. RPL sử dụng thẻ bài để cấp phát quyền sử dụng đường truyền cho các node trong mạng  d. Trong giao thức RPL, một node muốn truyền dữ liệu đến một node khác thì bắt buộc phải đi qua gốc root  Question 17  Complete  Mark 0.00 out of 1.00  Trong số các giao thức sau đây, giao thức nào không thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tầng?  a. IEEE 802.15.4  b. LTE-A

Question 18
Complete
Mark 0.00 out of 1.00
Trong lập trình Arduino, câu lệnh nào không thuộc nhóm hàm Digital I/O?
a. digitalWrite()
b. digitalSerial()
c. digitalRead()
Question 19
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu không phải là nền tảng phần cứng phổ biến để chạy các ứng dụng loT?
a. Arduino
b. Intel Galileo
◎ c. NFC
○ d. Raspberry Pi
Question 20
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu là phát biểu sai khi nói về giao thức định tuyến cho mạng tổn hao năng lượng thấp (RPL)?
a. RPL có hỗ trợ phương thức truyền dữ liệu: đa điểm đến điểm (MP2P)
<ul> <li>b. RPL có hỗ trợ phương thức truyền dữ liệu: điểm đến đa điểm (P2MP)</li> </ul>
C. RPL có hỗ trợ phương thức truyền dữ liệu: điểm đến điểm (P2P)
<ul> <li>d. RPL không hỗ trợ phương thức truyền dữ liệu: đa điểm đến điểm (MP2P)</li> </ul>
Question 21
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00  Mô hình tham chiếu loT 3 lớp không bao gồm lớp nào?
Mark 1.00 out of 1.00  Mô hình tham chiếu loT 3 lớp không bao gồm lớp nào?  a. Lớp Kết nối
Mark 1.00 out of 1.00  Mô hình tham chiếu loT 3 lớp không bao gồm lớp nào?  a. Lớp Kết nối b. Lớp Ứng dụng

Question 22	
Complete	
Mark 1.00 out of 1.00	
Lập trình với hàm map() trong Arduino. Cho biết giá trị nhận được từ cảm biến được ghi vào biến sensorReading; giá trị cảm biến m sensorMin = 0; giá trị cảm biến max là sensorMax = 600; Hỏi câu lệnh nào sau đây dùng để khai báo ánh xạ kết quả đọc giá trị cảm thành một trong bốn giá trị: 0,1,2 hoặc 3?  a. int range = map(sensorReading, sensorMin, sensorMax, 0, 3); b. int range = map(sensorMin, sensorMax, sensorReading, 0, 3); c. int range = map.range(sensorReading, sensorMin, sensorMax, 4); d. int range = map.range(sensorMin, sensorMax, sensorReading, 4);	
Question 23	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00	
Main 1.00 Out of 1.00	
Trong lập trình Arduino với Board Arduino Uno R3, sử dụng hàm nào để lấy giá trị của cảm biến điện trở quang (photoresistor)?	
a. digitalRead()	
b. analogRead()	
c. sensor()	
od. Serial.print("Giá trị: ")	
Question 24 Complete Mark 1.00 out of 1.00	
Complete	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Đâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến loT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến loT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được	hoạt
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  Question 25  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là ưu điểm khi ứng dụng IoT vào trong các dây chuyền sản xuất (các cảm biến được gắn vào máy móc để theo dối	hoạt
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  Question 25  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là ưu điểm khi ứng dụng IoT vào trong các dây chuyền sản xuất (các cảm biến được gắn vào máy móc để theo dối động của chúng)?	hoạt
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tối thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  Question 25  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là ưu điểm khi ứng dụng IoT vào trong các dây chuyền sản xuất (các cảm biến được gần vào máy móc để theo dối đồng của chúng)?  a. Đưa ra chế độ hoạt động tiết kiệm nhất b. Có nguy cơ bị đánh cấp dữ liệu c. Theo đổi lượng năng lượng tiêu thụ	hoạt
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là mô tả đúng nhất về thuộc tính "Độ nhạy" của cảm biến IoT?  a. Sự thay đổi tới thiểu của thông số đo được gây ra thay đổi có thể phát hiện được trong tín hiệu đầu ra  b. Khoảng giá trị tối đa và tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  c. Giá trị tối đa của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  d. Giá trị tối thiểu của hiện tượng mà cảm biến có thể đo được  Question 25  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là ưu điểm khi ứng dụng IoT vào trong các dây chuyền sản xuất (các cảm biến được gắn vào máy móc để theo dõi động của chúng)?  a. Đưa ra chế độ hoạt động tiết kiệm nhất  b. Có nguy cơ bị đánh cấp dữ liệu	hoạt

Question 26
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?
◯ a. CoAP sử dụng 2 loại tin nhắn: xác nhận; lỗi
b. CoAP sử dụng 3 loại tin nhắn: có thể xác nhận; không thể xác nhận; lỗi  in the same of the same o
c. CoAP có thể được chia thành 2 lớp con: lớp con nhắn tin; lớp con yêu cầu/phản hồi
d. CoAP có thể được chia thành 3 lớp con: lớp con nhắn tin; lớp con MAC; lớp con LLC
Question 27
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói đến lớp Quản lý dịch vụ (Service Management) trong mô hình tham chiếu loT 5 lớp?
◯ a. Lớp này cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng
b. Lớp này quản lý các hoạt động và dịch vụ hệ thống loT tổng thể  b. Lớp này quản lý các hoạt động và dịch vụ hệ thống loT tổng thể
c. Lớp này thực hiện việc xây dựng mô hình kinh doanh, đồ thị, lưu đồ,dựa trên dữ liệu nhận được từ lớp Ứng dụng
<ul> <li>Lớp này cho phép các lập trình viên ứng dụng IoT làm việc với các đối tượng không đồng nhất mà không cần xem xét đến một nền</li> </ul>
tảng phần cứng cụ thể
Question 28
Question 28  Complete
Complete
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dài tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dài tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dài tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)  Question 29  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dài tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)  Question 29  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nối về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dài tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)  Question 29  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Board Arduino Uno R3 sử dụng nguồn điện áp bao nhiều volt?  a. 110V  b. 5V
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức Z-Wave trong IoT, phát biểu nào sau đây là sai?  a. Z-Wave có cấu trúc lưới, các thiết bị (nút) được liên kết với một trung tâm  b. Z-Wave hoạt động trong dải tần số 100MHz  c. Z-Wave có nhược điểm là không tương thích được với nhiều thiết bị  d. Tốc độ truyền dữ liệu của Z-Wave thấp (khoảng 40Kbps đến 200Kbps)  Question 29  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Board Arduino Uno R3 sử dụng nguồn điện áp bao nhiều volt?  a. 110V

Question 30
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Địa chỉ website của cộng đồng Arduino Việt Nam là gì?
a. http://ardn.vn/
○ b. http://arduino.net.vn/
c. http://ardvn.net/
o d. http://arduino.vn/
Question 31
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong loT, Giao thức AMQP là viết tắt của cụm từ:
a. Annotation Message Query Protocol
b. Application Mass Quota Protocol
© c. Advanced Message Queuing Protocol
d. Application Message Queuing Protocol
Question 32
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng
Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân
Mark 1.00 out of 1.00  Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html) b. XML nhị phân c. Comma Separated Values (.csv) d. Rich Text Format (.rft)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)  Question 33  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html) b. XML nhị phân c. Comma Separated Values (.csv) d. Rich Text Format (.rft)
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)  Question 33  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giám băng thông và giảm thiểu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phân  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)  Question 33  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức IEEE 802.15.4 trong loT, phát biểu nào sau đây là đúng?
Trong thành phần ngữ nghĩa (Semantics) trong loT, Khuyến nghị Trao đổi XML hiệu quả (EXI) đã chuyển đổi các thông điệp XML sang dạng nào để giảm bằng thông và giảm thiếu kích thước lưu trữ cần thiết?  a. Website (.html)  b. XML nhị phần  c. Comma Separated Values (.csv)  d. Rich Text Format (.rft)  Question 33  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Khi nói về giao thức IEEE 802.15.4 trong loT, phát biểu nào sau đây là đúng?  a. IEEE 802.15.4 chỉ hỗ trợ hoạt động ở 1 dải tần số 868MHz

This document is available free of charge on https://lms.neu.edu.vn/mod/quiz/review.php?attempt=841163&cmid=317896&showall=1

Downloaded by Hi?u Nguy?n V?n (vanhieuit10@gmail.com)

Question 34
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong mô hình tham chiếu loT 7 lớp, lớp "Khả năng kết nối" (Connectivity) không bao gồm chức năng nào sau đây?
a. Chuyển mạch và định tuyến
O b. Chuyển đổi giữa các giao thức mạng
o. Chuyển đổi tín hiệu tương tự/số và số/tương tự theo yêu cầu
od. Truyền tải thông tin đáng tin cậy giữa các thiết bị lớp 1 với thiết bị lớp 2
Question 35 Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Wark 1.00 Out of 1.00
Trong lập trình Arduino, câu lệnh: Serial.begin (9600) có ý nghĩa là gì?
a. Bắt đầu truyền Serial với nội dung khung dữ liệu đầu tiên có giá trị là 9600, không có ký tự kết thúc dòng
<ul> <li>b. Bắt đầu truyền Serial với nội dung khung dữ liệu đầu tiên có giá trị là 9600, có ký tự kết thúc dòng</li> <li>c. Khai báo sử dụng truyền Serial với tốc độ baud là 9600</li> </ul>
○ d. Khai báo sử dụng truyền Serial với tối đa 9600 khung dữ liệu
Question 36
Complete
Mark 0.00 out of 1.00
Trong số các công nghệ sau đây, công nghệ nào ít ảnh hưởng đến sự phát triển của loT nhất?
Hong so cae congriging saa day, congriging hao it ann haong ach sa phat then caa io minat.
a. Truyền thông đa phương tiện
🔘 b. Điện toán đám mây
○ c. Trí tuệ nhân tạo
<ul><li>d. Công nghệ vật liệu nano</li></ul>
Question 37
Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Mark 1.00 out of 1.00
Đâu không phải là một phương pháp định danh (Identification) đối tượng trong loT?
a. IPv6
b. Semantic
a uhimuitaua Cadaa (uCada)
<ul><li>c. ubiquitous Codes (uCode)</li><li>d. Electronic Product Codes (EPC)</li></ul>

Complete	38
Mark 0.00 c	out of 1.00
IPv6 là IPv6?	giải pháp để phát triển Internet với xu thế dịch vụ mới như loT, đô thị thông minhĐâu là phát biểu sai khi nói về những ưu điểm của
<ul><li>a.</li></ul>	Không gian địa chỉ rộng lớn hơn IPv4
) b.	Cho phép cấu hình địa chỉ linh hoạt dựa trên 3 loại địa chỉ: unicast, multicast, broadcast
C.	Đơn giản hóa dạng thức của tiêu đề (header)
( d.	Hỗ trợ bảo mật tốt hơn IPv4
Question	39
Complete	. (400
Mark 1.00 c	but of 1.00
Trong r	nô hình tham chiếu loT 7 lớp, lớp "Trừu tượng hóa dữ liệu" không bao gồm chức năng nào sau đây?
<ul><li>a.</li></ul>	Lập chỉ mục dữ liệu để cung cấp quyền truy cập ứng dụng nhanh chóng
<ul><li>b.</li></ul>	Giao tiếp với các thiết bị ở lớp 1
О с.	Đảm bảo ngữ nghĩa nhất quán của dữ liệu giữa các nguồn
<ul><li>d.</li></ul>	Bảo vệ dữ liệu với xác thực và phân quyền thích hợp
	<b>10</b>
Question	40
Complete	
Mark 0.00 c	out of 1.00
Đâu là <sub>l</sub>	phát biểu sai khi nói về Cơ cấu chấp hành (bộ truyền động; thiết bị chấp hành) IoT?
<ul><li>a.</li></ul>	Cơ cấu chấp hành loT là một thiết bị có thể thay đổi một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý để đáp ứng với thông tin nhận được
	might daye
<ul><li>b.</li></ul>	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động
<ul><li>b.</li><li>c.</li></ul>	
O c.	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành loT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành loT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó
<ul><li>c.</li><li>d.</li></ul>	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
c. d. Question	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
c. d. Question Complete	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
c. d. Question	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
C. d. Question Complete	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
C. d. Question Complete	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT
Question Complete Mark 1.00 c	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành IoT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành IoT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống IoT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành IoT  41  put of 1.00  ập trình Arduino, hàm nào được dùng để đọc giá trị từ các chân tín hiệu digital, trả về giá trị là HIGH hoặc LOW?
Question Complete Mark 1.00 c	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành loT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành loT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống loT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành loT  41  put of 1.00  åp trình Arduino, hàm nào được dùng để đọc giá trị từ các chân tín hiệu digital, trả về giá trị là HIGH hoặc LOW?  pinMode()
C. d. Question Complete Mark 1.00 c	Có thể phân loại cơ cấu chấp hành loT theo nguồn năng lượng mà chúng cần để tạo chuyển động Cơ cấu chấp hành loT là một thiết bị quan sát một hoặc nhiều thuộc tính của một thực thể vật lý và chuyển đổi các thuộc tính đó thành thông tin Một hệ thống loT có thể không cần sử dụng đến cơ cấu chấp hành loT  41  put of 1.00  ập trình Arduino, hàm nào được dùng để đọc giá trị từ các chân tín hiệu digital, trả về giá trị là HIGH hoặc LOW?  pinMode() readDigital()

Question 42
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong mô hình tham chiếu loT 7 lớp, lớp "Ứng dụng" ở lớp nào?
○ a. Lớp 4
○ b. Lớp 7
⊚ c. Lớp 6
○ d. Lớp 5
Question 43
Complete  Mark 1 00 and of 1 00
Mark 1.00 out of 1.00
Thứ tự đúng từ lớp 1 đến lớp 5 trong mô hình tham chiếu loT 5 lớp là:
<ul> <li>a. Objects, Object Abstraction, Service Management, Application, Business</li> </ul>
<ul> <li>b. Object Abstraction, Objects, Application, Service Management, Business</li> </ul>
c. Objects, Object Abstraction, Business, Service Management, Application
d. Object Abstraction, Objects, Service Management, Business, Application
Question 44
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Đâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng loT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong IoT, khi nói về giao thức LTE-A (Long Term Evolution—Advanced) có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức LTE-A hỗ trợ tốc độ dữ liệu
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng IoT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng loT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong loT, khi nói về giao thức LTE-A (Long Term Evolution—Advanced) có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức LTE-A hỗ trợ tốc độ dữ liệu upload lên tới 1Gbps; PB2- Giao thức LTE-A sử dụng phương pháp truy cập đường truyền CSMA/CD. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?
Complete Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phái là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng loT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong loT, khi nói về giao thức LTE-A (Long Term Evolution—Advanced) có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức LTE-A hỗ trợ tốc độ dữ liệu upload lên tới 1Gbps; PB2- Giao thức LTE-A sử dụng phương pháp truy cập đường truyền CSMA/CD. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?  a. PB1 sai, PB2 đúng
Complete Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phải là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng loT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Cuestion 45  Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong loT, khi nói về giao thức LTE-A (Long Term Evolution—Advanced) có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức LTE-A hỗ trợ tốc độ dữ liệu upload lên tới 1Gbps; PB2- Giao thức LTE-A sử dụng phương pháp truy cập đường truyền CSMA/CD. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?  a. PB1 sai, PB2 đúng b. PB1 sai, PB2 sai
Complete Mark 1.00 out of 1.00  Dâu không phái là hệ điều hành phổ biến để chạy các ứng dụng loT?  a. Android b. Contiki c. TinyOS d. FPGA  Question 45  Complete Mark 1.00 out of 1.00  Trong loT, khi nói về giao thức LTE-A (Long Term Evolution—Advanced) có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức LTE-A hỗ trợ tốc độ dữ liệu upload lên tới 1Gbps; PB2- Giao thức LTE-A sử dụng phương pháp truy cập đường truyền CSMA/CD. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?  a. PB1 sai, PB2 đúng

Question 46
Complete
Mark 1.00 out of 1.00
Trong mô hình tham chiếu loT 3 lớp, lớp 1 không bao gồm loại thiết bị nào?  a. Bộ điều khiển  b. Thiết bị liên kết mạng như Switch, Router  c. Thiết bị chấp hành  d. Cảm biến
Question 47 Complete Mark 0.00 out of 1.00
Khi nói về các giao thức trong IoT có 2 phát biểu sau đây: PB1- Giao thức BLE (Bluetooth Low Energy) hiệu quả hơn về mức tiêu thụ năng lượng so với giao thức ZigBee; PB2- Giao thức BLE sử dụng phương pháp truy cập đường truyền TDMA. Hỏi khẳng định nào sau đây là đúng?  a. PB1 đúng, PB2 đúng  b. PB1 sai, PB2 đúng
○ c. PB1 sai, PB2 sai ⑤ d. PB1 đúng, PB2 sai
Question 48 Complete Mark 1.00 out of 1.00
Complete
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?  a. Hiệp hội World Wide Web (W3C) đề xuất giao thức CoAP năm 2011  b. CoAP định nghĩa một giao thức truyền tải web dựa trên REpresentational State Transfer (REST)  c. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức dịch vụ
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?  a. Hiệp hội World Wide Web (W3C) đề xuất giao thức CoAP năm 2011  b. CoAP định nghĩa một giao thức truyền tải web dựa trên REpresentational State Transfer (REST)  c. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức dịch vụ  d. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tấng
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?  a. Hiệp hội World Wide Web (W3C) đề xuất giao thức CoAP năm 2011  b. CoAP định nghĩa một giao thức truyền tải web dựa trên REpresentational State Transfer (REST)  c. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức dịch vụ  d. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tấng  Question 49  Complete  Mark 1.00 out of 1.00
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?  a. Hiệp hội World Wide Web (W3C) đề xuất giao thức CoAP năm 2011  b. CoAP định nghĩa một giao thức truyền tải web dựa trên REpresentational State Transfer (REST)  c. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức dịch vụ  d. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tấng  Question 49  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong lập trình Arduino với Board Arduino Uno R3, câu lệnh nào sau đây là sai?  a. pinMode(Pin5, DIGITAL)  b. pinMode(Pin5, INPUT_PULLUP)
Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Dâu là phát biểu đúng về giao thức CoAP?  a. Hiệp hội World Wide Web (W3C) đề xuất giao thức CoAP năm 2011  b. CoAP định nghĩa một giao thức truyền tải web dựa trên REpresentational State Transfer (REST)  c. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức dịch vụ  d. CoAP là giao thức thuộc nhóm giao thức cơ sở hạ tấng  Question 49  Complete  Mark 1.00 out of 1.00  Trong lập trình Arduino với Board Arduino Uno R3, câu lệnh nào sau đây là sai?  a. pinMode(Pin5, DIGITAL)

This document is available free of charge on **Studocu** https://lms.neu.edu.vn/mod/quiz/review.php?attempt=841163&cmid=317896&showall=1

Downloaded by Hi?u Nguy?n V?n (vanhieuit10@gmail.com)

### Question 50

Complete

Mark 1.00 out of 1.00

Trong điều khiển loT với Board Arduino Uno R3, lập trình Arduino: đèn led nối vào chân số 6, nút bấm nối vào chân số 3. Hỏi đoạn lệnh khai báo nào sau đây là đúng?

```
A. const int buttonPin = 3;
      const int ledPin = 6;
       void setup() {
        pinMode(buttonPin, INPUT);
        pinMode(ledPin, OUTPUT);
B. digitalRead buttonPin = 3;
       digitalWrite ledPin = 6;
      void setup() {
        pinMode(buttonPin);
        pinMode(ledPin);
        }
C. const int buttonPin = 3;
       const int ledPin = 6;
      void setup() {
        pinMode(buttonPin);
        pinMode(ledPin);
D. digitalRead buttonPin = 3;
       digitalWrite ledPin = 6;
       void setup() {
        pinMode(buttonPin, INPUT);
        pinMode(ledPin, OUTPUT);
        }
```

Your answer is correct.

■ Danh sách điểm thi hết học phần (Dự kiến)

Jump to...

Slide tham khảo Chương 1 ▶



Hệ thống LMS/LCMS cho Blended learning tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân

**INFO** 

CỔNG THÔNG TỊN ĐÀO TẠO

daihocchinhquy.neu.edu.vn

myaep.neu.edu.vn

vlvh.neu.edu.vn

thacsi.neu.edu.vn

## **CONTACT US**

207 Giải phóng

▶ Phone: +84 36280280

E-mail : <u>ask-cait@neu.edu.vn</u>

#### **GET SOCIAL**









Copyright © 2020 - Developed by CAIT@neu. Powered by Moodle

Data retention summary Get the mobile app